

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-01-2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Phạm Văn Lâm

2/. Bà Trần Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 599/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Hữu H, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; tạm trú: Số 62/9 đường N, Tổ 2, Khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trị Thị C, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Thôn, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; tạm trú: Số 62/9 đường N, Tổ 2, Khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lưu Hữu H trình bày: Ông Lưu Hữu H và ông bà Trị Thị C chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân nguyên, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 8 năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2013, quyền số 01/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Ông H đã cố gắng để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, do vợ

chồng không có con chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không còn yêu thương tôn trọng lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Lưu Hữu H, Đơn xác nhận tạm trú, Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Trị Thị C trình bày: Bà C thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian chung sống, kết hôn, còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không có con chung, hiện tại ông H đang có người phụ nữ khác và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Tuy nhiên bà C nhận thấy hôn nhân của vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được. Vì vậy, đối với yêu cầu ly hôn của ông H thì bà C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lưu Hữu H và bà Trị Thị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là loại việc không áp dụng thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa ông Lưu Hữu H và bà Trị Thị C đã nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt, ông H đã cương quyết ly hôn nên vợ chồng không thể hàn gắn được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hữu H đối với bà Trị Thị C về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Lưu Hữu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trị Thị C, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà Trị Thị C hiện cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Lưu Hữu H và bà Trĩ Thị C đã được triệu hợp nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà C.

[3] *Về nội dung*: Quan hệ hôn nhân giữa ông Lưu Hữu H và bà Trĩ Thị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Ông H và bà C có thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông H, quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm hơn nữa do vợ chồng không có con nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không còn yêu thương tôn trọng lẫn nhau, bà C cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung, ông H có người phụ nữ khác, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân.

[4] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng thương yêu nhau. Những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi ông H và bà C cư trú, cho biết: Ông Lưu Hữu H và bà Trĩ Thị C là vợ chồng, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ, không nhờ chính quyền địa phương hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông H, bà C đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông H vẫn cương quyết ly hôn, bà C nhận thấy hôn nhân của vợ chồng cần có thời gian để hàn gắn. Tuy nhiên kể từ khi Tòa án thụ lý và tiến hành hòa giải đoàn tụ cho đến nay, vợ chồng vẫn chưa hàn gắn được, ông H vẫn cương quyết ly hôn, bà C vẫn không tìm được cách để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

Ông Lưu Hữu H xác định hiện nay không còn tình cảm với bà C và vợ chồng không còn chung sống với nhau, hiện tại vợ chồng không có con chung nên không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa ông H và bà C đã nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được nên ông Hyêu cầu được ly hôn với bà C là có cơ sở, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà C và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm, nguyên đơn ông Lưu Hữu H phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hữu H đối với bà Trị Thị C về việc “Ly hôn”:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Hữu H được ly hôn với bà Trị Thị C.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2013, quyền số 01/2013 ngày 01/8/2013 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Lưu Hữu H và bà Trị Thị C không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lưu Hữu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001382 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo